

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/Chuyên ngành: *Báo chí học/Quản lý phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử*
Mã số: 8320101

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Võ Hoàng Mai Anh	11.10.2002	72	Bảy hai
2	Nguyễn Thị Hồng Anh	07.02.1990	82	Tám hai
3	Đoàn Ngọc Bảo Châu	21.09.2002	62	Sáu hai
4	Hoàng Hương Giang	16.07.2001	61	Sáu một
5	Hoàng Diệp Hằng	09.02.1988	74	Bảy tư
6	Nguyễn Bảo Hiếu	17.7.2001	60	Sáu mươi
7	Lê Thị Hồng Lý	09.8.1986	57	Năm bảy
8	Đặng Hồng Nhung	14.4.1990	76	Bảy sáu
9	Nguyễn Hồ Trí	22.4.1985	69	Sáu chín

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/chuyên ngành: **Báo chí học/Quản lý báo chí truyền thông** Mã số: **8320101**
(Hội đồng 1)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Nguyễn Hà Anh	21.10.2001	72	Bảy hai
2	Vũ Thế Anh	20.11.1993	76	Bảy sáu
3	Cao Đặng Châu Anh	12.11.2002	74	Bảy tư
4	Nguyễn Quỳnh Anh	26.06.1999	70	Bảy mươi
5	Lê Đức Anh	12.12.1990	78	Bảy tám
6	Nguyễn Nhật Anh	27.11.2002	73	Bảy ba
7	Trương Lâm Huỳnh Anh	21.10.2002	70	Bảy mươi
8	Nguyễn Thị Kim Anh	18.8.1980	71	Bảy một
9	Huỳnh Công Bằng	01.01.1977	70	Bảy mươi
10	Trịnh Thị Ngọc Bích	01.4.1978	75	Bảy lăm
11	Nguyễn Hòa Bình	13.01.2002	67	Sáu bảy
12	Nguyễn Thị Cúc	23.05.1988	70	Bảy mươi
13	Nguyễn Văn Chiền	13.12.1981	83	Tám ba
14	Lê Thị Dung	17.12.1995	65	Sáu lăm
15	Vũ Văn Dũng	06.08.1992	70	Bảy mươi
16	Phạm Huy Đông	11.10.1989	81	Tám một
17	Nguyễn Tiến Đông	16.11.1986	75	Bảy lăm
18	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	13.02.1990	68	Sáu tám
19	Vy Thị Ngọc Hằng	08.01.1991	70	Bảy mươi



20	Nguyễn Thị Hằng	02.6.2002	70	Bảy mươi
21	Đặng Thị Tuyết Hiền	25.3.1988	75	Bảy lăm
22	Nguyễn Trung Hiếu	05.8.2023	77	Bảy bảy

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Trần Văn Thư

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Phạm Minh Sơn



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/chuyên ngành: *Báo chí học/Quản lý báo chí truyền thông* Mã số: 8320101

(Hội đồng 2)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Trần Thị Ngọc Hoa	22.12.1969	75,2	Bảy lăm phẩy hai
2	Cầm Phạm Thị Hồng	05.6.2002	64	Sáu tư
3	Tạ Thu Hương	26.01.2001	71.6	Bảy một phẩy sáu
4	Trương Khánh Linh	08.3.2002	74,7	Bảy tư phẩy bảy
5	Trịnh Khánh Linh	21.9.2001	57,8	Năm bảy phẩy tám
6	Ngô Khánh Linh	11.10.1993	70	Bảy mươi
7	Vũ Quang Linh	20.02.1999	58,2	Năm tám phẩy hai
8	Nguyễn Thị Thảo Ly	15.12.1989	81	Tám một
9	Phạm Thị Khánh Ly	24.12.2002	70,4	Bảy mươi phẩy bốn
10	Nguyễn Thu Minh	03.11.2001	71,2	Bảy một phẩy hai
11	Hồ Quốc Minh	01.01.1986	80	Tám mươi
12	Nguyễn Ngọc Nam	27.11.2002	70,8	Bảy mươi phẩy tám
13	Vương Thùy Ninh	23.7.1987	69,8	Sáu chín phẩy tám
14	Nguyễn Hằng Nga	22.11.2002	71	Bảy một
15	Viên Hồng Ngọc	20.5.2001	70,2	Bảy mươi phẩy hai
16	Đặng Thanh Ngọc	04.2.2001	64,2	Sáu tư phẩy hai
17	Nguyễn Bích Ngọc	16.11.1983	56,4	Năm sáu phẩy bốn
18	Lê Thị Phương	17.07.1989	70,6	Bảy mươi phẩy sáu
19	Phạm Mỹ Quỳnh Phương	21.02.2001	70,8	Bảy mươi phẩy tám

20	Hoàng Thanh Quỳnh	01.08.1991	58,6	Năm tám phẩy sáu
21	Nguyễn Trí Tân	11.12.2002	71,8	Bảy một phẩy tám
22	Mai Thị Cẩm Tú	15.12.1992	67	Sáu bảy
23	Lê Cẩm Tú	12.6.2002	82	Tám hai

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Ngành/chuyên ngành: **Báo chí học/Quản lý báo chí truyền thông** Mã số: 8320101

(Hội đồng 3)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Cù Thanh Tùng	12.10.2000	67	Sáu bảy
2	Nguyễn Thị Phương Thanh	29.06.1990	77	Bảy bảy
3	Huỳnh Phương Thanh	01.7.1992	80	Tám mươi
4	Vũ Nguyễn Phương Thảo	11.8.2001	70	Bảy mươi
5	Bùi Thị Phương Thảo	03.02.2002	70	Bảy mươi
6	Nguyễn Thị Huy Thùy	05.4.1983	75	Bảy lăm
7	Văn Phương Thúy	05.10.1994	80	Tám mươi
8	Lê Anh Thư	03.3.2002	70	Bảy mươi
9	Phan Thu Trang	16.9.2001	68	Sáu tám
10	Trần Minh Trạng	12.12.1982	75	Bảy lăm
11	Nguyễn Phạm Vân Trinh	16.11.2002	78	Bảy tám
12	Phạm Quang Trung	06.12.1990	80	Tám mươi
13	Đoàn Minh Trung	14.09.1985	80	Tám mươi
14	Nguyễn Bằng Vân	05.8.1998	78	Bảy tám
15	Hà Thị Quỳnh Vân	15.09.2001	75	Bảy lăm
16	Khoàng Thị Hà Vân	28.9.2001	71	Bảy một
17	Lưu Thị Khánh Vy	29.7.2002	70,5	Bảy mươi phẩy năm
18	Nguyễn Huỳnh Hải Yến	25.7.1981	80	Tám mươi

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/Chuyên ngành: *Quan hệ công chúng/Quản trị truyền thông* Mã số: 8320108

(Hội đồng 1)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Ngô Thị Hoàng Anh	09.11.1997	79	Bảy chín
2	Trương Quỳnh Anh	22.07.2001	66	Sáu sáu
3	Lê Nam Anh	30.07.2001	65	Sáu lăm
4	Nguyễn Đức Anh	07.08.2001	75	Bảy lăm
5	Vũ Thùy Anh	16.08.2022	62	Sáu hai
6	Đỗ Thị Chi	29.12.2001	70	Bảy mươi
7	Nguyễn Yến Chi	01.6.2002	72	Bảy hai
8	Đặng Linh Chi	13.08.2000	68	Sáu tám
9	Lê Thị Thanh Dung	23.4.1998	68	Sáu tám
10	Mai Thị Dung	04.04.2001	66	Sáu sáu
11	Lưu Thị Mai Dung	01.6.2000	62	Sáu hai
12	Đỗ Thùy Dương	16.9.1997	64	Sáu tư
13	Nguyễn Minh Đức	23.3.2000	70	Bảy mươi
14	Nguyễn Hưng Giang	01.06.2002	75	Bảy lăm
15	Phạm Thị Giang	12.8.1995	77	Bảy bảy
16	Lê Thị Trà Giang	18.01.2002	66	Sáu sáu
17	Nguyễn Thị Diệu Hà	14.03.2002	73	Bảy ba
18	Nguyễn Thị Hồng Hà	10.12.1979	73	Bảy ba
19	Đặng Minh Hằng	27.10.2001	76	Bảy sáu



20	Hà Trung Hiếu	05.11.2001	62	Sáu hai
21	Phạm Thị Thanh Hồng	12.01.2001	62	Sáu hai
22	Lê Thị Khánh Huyền	28.01.1992	71	Bảy một
23	Nguyễn Nguyên Hương	27.12.1991	71	Bảy một
24	Nguyễn Thị Ngọc Lan	07.05.1990	68	Sáu tám
25	Hoàng Thị Ngọc Lan	22.8.2001	70	Bảy mươi

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Trần Văn Thư

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn



*

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Ngành/Chuyên ngành: **Quan hệ công chúng/Quản trị truyền thông** Mã số: 8320108

(Hội đồng 2)

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Vũ Thị Thu Linh	28.8.1989	74	Bảy tư
2	Nguyễn Thị Khánh Linh	22.04.1998	74	Bảy tư
3	Cao Khánh Linh	11.7.1995	68	Sáu tám
4	Trương Nhật Linh	08.12.1998	71	Bảy một
5	Nguyễn Thị Cẩm Ly	05.04.2001	64	Sáu tư
6	Nguyễn Ngọc Lưu Ly	31.10.1995	65	Sáu lăm
7	Lại Trần Khánh Ly	13.05.1999	68	Sáu tám
8	Trần Thị Hồng Ngọc	05.06.1996	70	Bảy mười
9	Trần Minh Ngọc	2.5.2001	77	Bảy bảy
10	Nguyễn Hồng Ngọc	12.11.2002	81	Tám một
11	Đào Khôi Nguyên	15.11.2002	68	Sáu tám
12	Nguyễn Hải Yến Nhi	02.09.2001	63	Sáu ba
13	Đoàn Thị Cẩm Nhung	28.07.2000	71	Bảy một
14	Trần Thị Quỳnh Như	03.7.2001	66	Sáu sáu
15	Đặng Anh Phương	06.5.2000	61	Sáu một
16	Ngô Thạch Thảo Phương	05.12.2000	70	Bảy mười
17	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	05.02.2001	63	Sáu ba
18	Lã Nguyên Tùng	04.11.2000	60	Sáu mươi
19	Giang Thị Thảo	10.10.1995	63	Sáu ba



20	Lê Bảo Trâm	30.07.2000	75	Bảy lăm
21	Phan Thị Phương Uyên	15.12.2002	68	Sáu tám
22	Dương Thanh Vân	22.01.2001	78	Bảy tám
23	Lê Thị Hồng Vân	01.2.1985	69	Sáu chín
24	Trần Thị Thảo Vi	11.10.2000	70	Bảy mươi
25	Lai Tường Vy	11.10.2002	68	Sáu tám

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Trần Văn Thư

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Phạm Minh Sơn



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/Chuyên ngành: *Chính trị học/Quản lý xã hội* Mã số: 8310201

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Nguyễn Lê Bình	25.9.1977	76	Bảy sáu
2	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	21.10.2001	70	Bảy mươi
3	Đinh Thị Việt Chinh	19.09.1996	81	Tám một
4	Vũ Quang Hồng Đăng	24.09.2001	75	Bảy lăm
5	Dương Thị Hồng Nhung	02.6.2002	72	Bảy hai
6	Hoàng Phương Thảo	01.4.2002	72	Bảy hai
7	Nguyễn Thị Bích Thuận	01.09.1988	75	Bảy lăm
8	Nguyễn Thị Thảo Uyên	05.4.2002	72	Bảy hai

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Phạm Minh Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025
Ngành/Chuyên ngành: *Chính trị học/Chính trị phát triển* Mã số: 8310201

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Võ Thành Đạt	07.10.1988	76	Bảy sáu
2	Nguyễn Minh Hằng	08.7.1998	76	Bảy sáu
3	Trần Thái Hoàng	20.5.1989	78	Bảy tám
4	Lê Thanh Hùng	10.12.1985	71	Bảy một
5	Nguyễn Quang Hưng	11.11.2002	74	Bảy tư
6	Cao Xuân Tùng Lâm	06.10.2003	74	Bảy tư
7	Nguyễn Minh Ngọc	13.09.1997	74	Bảy tư
8	Trần Diệp Phúc	29.04.1996	77	Bảy bảy
9	Ngô Văn Phương	16.5.1980	76	Bảy sáu
10	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10.11.2003	77	Bảy bảy
11	Dương Đình Tuấn	01.01.2001	71	Bảy một
12	Phạm Phương Thảo	8.11.2002	71	Bảy một
13	Bùi Phương Thảo	24.6.1998	74	Bảy tư
14	Đào Thị Thuận	27.3.1982	79	Bảy chín
15	Nguyễn Thị Đài Trang	10.10.2002	78	Bảy tám
16	Phạm Thành Trung	11.04.1997	77	Bảy bảy
17	Trương Đình Trường	25.7.1988	77	Bảy bảy

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Phạm Minh Sơn

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Ngành: **Quản lý kinh tế**

Mã số: 8310110

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Dương Tuấn Anh	08.11.2002	65	Sáu lăm
2	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	03.9.2001	60	Sáu mươi
3	Vương Thanh Bình	28.01.1973	70	Bảy mươi
4	Đỗ Thị Ngọc Diệp	02.8.1988	72	Bảy hai
5	Lê Xuân Đôn	05.9.1987	75	Bảy lăm
6	Tổng Hương Giang	26.7.1983	66	Sáu sáu
7	Vũ Thị Thu Hà	27.01.1988	60	Sáu mươi
8	Nguyễn Thị Hiền	19.02.1983	58	Năm tám
9	Dương Ngọc Huyền	20.12.2002	62	Sáu hai
10	Lý Gia Hải Linh	07.10.2002	57	Năm bảy
11	Phạm Thùy Linh	14.10.1993	56	Năm sáu
12	Nguyễn Khánh Linh	20.12.1986	62	Sáu hai
13	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	27.12.2002	71	Bảy mốt
14	Nguyễn Thảo Phương	26.06.2001	63	Sáu ba
15	Đậu Đăng Quốc	18.01.1987	72	Bảy hai
16	Bùi Hồng Sâm	20.02.1983	67	Sáu bảy
17	Lê Thu Thảo	12.11.1990	72	Bảy hai

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Trần Văn Thư

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

Phạm Minh Sơn

20	Cao Lan Phương	12.06.1984	63	Sáu ba
21	Nguyễn Thúy Phương	01.06.1999	64	Sáu tư
22	Dương Thị Minh Phương	04.02.1982	65	Sáu lăm
23	Phạm Thị Quyên	25.08.1989	72	Bảy hai
24	Đặng Ngọc Tú	01.01.1982	69	Sáu chín
25	Trịnh Cẩm Tú	09.10.2002	66	Sáu sáu
26	Phạm Minh Tuấn	22.6.1996	72	Bảy hai
27	Nguyễn Thanh Tùng	07.09.1977	65	Sáu lăm
28	Bùi Văn Thanh	11.11.1991	68	Sáu tám
29	Đào Đình Thạo	21.01.1980	70	Bảy mươi
30	Trương Anh Thư	23.11.2002	70	Bảy mươi
31	Phạm Thị Trang	01.04.1987	63	Sáu ba

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Trần Văn Thư

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



Phạm Minh Sơn



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Ngành: *Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước*

Mã số: 8310202

TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm đánh giá	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Lê Văn Anh	12.6.1988	71	Bảy một
2	Bùi Thị Lan Anh	10.09.1980	72	Bảy hai
3	Phạm Hùng Cường	24.3.1976	67,5	Sáu bảy phẩy năm
4	Bùi Thị Châu	15.4.1984	63	Sáu ba
5	Nguyễn Hoàng diệu	25.6.2002	62	Sáu hai
6	Nguyễn Hoàng Dương	25.4.1990	66	Sáu sáu
7	Trần Hồng Đức	15.7.1987	71	Bảy một
8	Nguyễn Việt Đức	20.7.1993	64	Sáu tư
9	Phan Thị Giang	08.9.1989	70	Bảy mười
10	Nguyễn Hà Giang	14.5.2002	63	Sáu ba
11	Hà Thu Hằng	22.2.1981	69	Sáu chín
12	Nguyễn Tiến Hòa	07.08.1999	60	Sáu mười
13	Nguyễn Kim Lan	18.04.1984	67	Sáu bảy
14	Cao Xuân Lâm	22.10.1985	65	Sáu lăm
15	Cao Thạch Linh	26.1.1994	64	Sáu tư
16	Nguyễn Đăng Long	19.11.1994	67	Sáu bảy
17	Nguyễn Bình Minh	30.07.1976	68	Sáu tám
18	Trần Trọng Nhân	15.12.2001	66	Sáu sáu
19	Phạm Quốc Phong	21.07.1977	67	Sáu bảy